

Bản án số: 59 /2023/HS-ST
Ngày 14/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Năm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Kiều Công Ích - Cán bộ hưu trí;

2/ Bà Vương Thị Thu - Giáo viên nghỉ hưu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa:*
Ông Lưu Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 49/2023/TLST-HS, ngày 27 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Hoàng Đ**, sinh ngày 09/10/2005, tại huyện T, tỉnh Phú Thọ;
Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT: Khu C, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Chỗ ở hiện nay: Khu B, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 11/12; Dân tộc: Kinh;
Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Vũ Hoàng T; Con bà: Trương Thị T1, hiện ở khu C, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Vợ, con: Chưa có; Anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án + Tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại tại xã H huyện T, tỉnh Phú Thọ Bị cáo hôm nay có mặt tại phiên tòa.

* **Người giám hộ và đại diện hợp pháp cho bị cáo Đ:** Bà Trương Thị T1, sinh năm 1980; Nơi đăng ký HKTT: Khu C, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Chỗ ở hiện nay: Khu B, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

* **Người bào chữa cho bị cáo Đ:** Bà Bùi Thu H— Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T11(Có mặt).

* **Bị hại:** Ông Trương Đức T2, sinh năm 1975 ; Nơi cư trú: Khu B, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Trương Đức G, sinh năm 2004; Nơi cư trú: Khu B, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Hiện đang là chiến sỹ nghĩa vụ - Công an huyện T (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Hoàng Đ, sinh ngày 09/10/2005, trú tại khu B, xã S, huyện T tỉnh Phú Thọ có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α, BKS 19K1 – 400.93. Do cần tiền tiêu sài cá nhân, nên khoảng giữa tháng 12/2022, Đ1 bán chiếc xe trên cho anh Trương Đức G1 năm 2004, nhà ở khu B, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ (là anh họ của Đ với giá 15.000.000 đồng. Anh G2 đồng ý và trả cho Đ2 tiền 12.500.000 đồng, nợ lại Đ2.500.000 đồng, Đ1 đồng ý. Việc mua bán xe giữa Đ và G chỉ thỏa thuận bằng miệng, không có giấy tờ mua bán. Khoảng tháng 2/2023 anh G3 Công an nghĩa vụ nên để xe ở nhà và giao cho bố để mình ông Trương Đức T3 năm 1975 ở cùng nhà quản lý, sử dụng.

Do biết anh G2 đi Công an nghĩa vụ và để chiếc xe mô tô BKS 19K1- 400.93 ở nhà, nên Vũ Hoàng Đ3 sinh ý định trộm cắp chiếc xe này để làm phương tiện đi lại. Khoảng hơn 12 giờ 30 phút ngày 06/06/2023, Đ chuẩn bị cầm theo 01 chiếc chìa khóa dự phòng của chiếc xe BKS 19K1- 400.93 (do trước đó, khi bán xe cho anh GĐ vẫn giữ lại 01 chiếc chìa khóa dự phòng của chiếc xe mô tô này) đút vào túi quần sau bên phải. Đến khoảng 13 giờ 10 phút cùng ngày, Đ4 bộ từ nhà của mình đến nhà ông T2(bố để anh G4 trộm cắp xe mô tô. Từ nhà Đ đến nhà ông T2 cách nhau khoảng 500 mét. Trên đường đi, Đ có trùm mũ của chiếc áo đi nắng lên đầu để tránh gặp người quen nhận ra. Khi đi đến cổng nhà ông T2 thấy cổng mở, Đ5 vào trong ngôi nhà, thấy cửa nhà đóng hết, đoán là mọi người đang ngủ trưa. Tiếp tục quan sát thấy ở sân nhà có dựng hai chiếc xe mô tô, trong đó một chiếc xe chính là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α, gắn BKS 19K1 – 400.93. Đi vào ngôi ở bộ bàn ghế kê ở sân gần đó mục đích xem nhà ông T2 có ai ở nhà hay không, nếu có người ra Đ sẽ giả vờ như đến chơi. Ngôi đó khoảng 02 đến 03 phút, không thấy ai trong gia đình ông T4 ra. Đi bộ lại gần chiếc xe, rồi lấy trong túi quần sau bên phải ra chiếc chìa khóa dự phòng đã chuẩn bị từ trước, dùng tay phải cầm chìa khóa vào ổ khoá điện, gạt chân chống phụ lên, rồi dắt đi qua cổng, Đức vặn mở khóa điện của xe, do sợ bị phát hiện nên Đ6 đề nổ máy. Khi dắt được qua cánh cổng, Đ7 lên xe, dùng hai chân đẩy cho xe trôi dần xuống dốc, và dùng chân trái đạp ngược số để về số 4, thì xe nổ máy. Đ điều khiển xe đến địa phận thuộc khu I, xã S, huyện T, tỉnh

Phú Thọ thì Đvừa điều khiển xe vừa dùng tay xoay tháo gương chiếu hậu bên trái của xe ra. Khi đi đến gần khu vực cổng trường C, thị xã P, tỉnh Phú Thọ Đdừng xe mở cốp xe, thấy bên trong cốp xe không có đồ vật, tài sản gì, Đđể chiếc gương chiếu hậu vừa tháo này vào trong cốp xe, sau đó Đ8 tục điều khiển xe đi về hướng T đường đi, khi đi đến địa phận xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ thì Đdừng xe lại, Đ9 tay tự tháo biển kiểm soát của xe kẹp vào giá để đồ giữa xe để tránh bị mọi người phát hiện nhận ra biển số của chiếc xe trên. Sau đó, Đ8 tục điều khiển xe di chuyển hướng đi đến địa bàn thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc để tìm kiếm việc làm.

Ngày 06/6/2023 sau khi ngủ dậy phát hiện bị mất trộm chiếc xe trên, nên ông Trương Đức T5 đến trình báo công an huyện T giải quyết.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác định hiện trường, rà soát, trích xuất camera an ninh của công an xã S quanh hiện trường, rà soát, truy tìm đối tượng và xác định được Vũ Hoàng Đ10 người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhà ông Trương Đức T2

Biết việc trộm cắp của mình đã bị phát hiện nên, ngày 07/06/2023 Đđã tự giác điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α, màu sơn đen - bạc, gắn BKS 19K1 - 400.93 đã trộm cắp được tại nhà ông Trương Đức T6 đến trụ sở Công an huyện T để làm việc. Tại Cơ quan Công an, Vũ Hoàng Đ11 thành khẩn khai nhận toàn bộ nội dung, diễn biến hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, thu giữ một số đồ vật, tài sản gồm:

- Vũ Hoàng Đ12 giao nộp:

+ 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α, màu đen – bạc, số khung: RLHJA3927MY150296, số máy: JA39E2267996, gắn BKS 19K1 – 400.93, xe đã qua sử dụng. Kiểm tra bên trong cốp xe có 01 (một) gương chiếu hậu hình chữ nhật, loại gương thời trang, ngoài ra, không có đồ vật, tài sản gì.

+ 01 (một) chiếc chìa khóa điện của chiếc xe mô tô BKS 19K1 – 400.93.

+ 01 (một) bản photo Giấy khai sinh mang tên Vũ Hoàng Đ, sinh ngày 09/10/2005 do UBND xã C, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 27/10/2005.

+ 01 (một) bản photo Căn cước công dân số 025205002665 mang tên Vũ Hoàng Đ

- Ông Trương Đức T2 tự giao nộp:

+ 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 19001540; Tên chủ xe: Nguyễn Xuân H1 sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu B, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nhãn hiệu: Honda Wave; Màu sơn Đen bạc, mang BKS 19K1 – 400.93.

Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã yêu cầu định giá chiếc xe mô tô mà Vũ Hoàng Đ11 trộm cắp vào ngày 06/6/2023 của nhà ông Trương Đức T2

Tại Kết luận định giá tài sản số A, ngày 11/07/2023, Hội đồng định giá tài sản huyện T, tỉnh Phú Thọ kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , màu đen - bạc, số khung: RLHJA3927MY150296, số máy: JA39E2267996, gắn BKS 19K1 - 400.93, xe có 01 (một) gương chiếu hậu hình chữ nhật, loại gương thời trang, xe đã qua sử dụng có trị giá là **13.500.000 đồng**.

Về nguồn gốc xe xác định: Khoảng giữa tháng 10/2022, Vũ Hoàng Đ13 lại của anh Nguyễn Xuân H1 năm 2004, nhà ở khu B, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , màu sơn đen – bạc, gắn BKS 19K1 – 400.93 để làm phương tiện đi lại với giá là 17.000.000 đồng, Giấy tờ xe đứng tên chính chủ mang tên bố đẻ của anh H2 là ông Nguyễn Xuân H2 năm 1984, nhà ở khu B, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ (ông H3 đồng ý việc anh H2 bán xe cho Đ sau khi mua được chiếc xe mô tô trên, Đ sử dụng làm phương tiện đi lại hằng ngày. Sau đó khoảng giữa tháng 12/2022 Đ14 cần tiền tiêu sài nên đã bán lại chiếc xe trên cho anh T2 như đã nêu ở trên.

Tại phiên tòa bị cáo Vũ Hoàng Đ11 thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình như đã nêu trên và không có trình bày gì khác.

Bản Cáo trạng số: 51/CT-VKSTB ngày 26/10/2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Vũ Hoàng Đức về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị với Hội đồng xét xử như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 90, khoản 1 Điều 91, Điều 100 của Bộ luật hình sự:

Đề nghị tuyên bố bị cáo Vũ Hoàng Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập và miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Bị cáo phải lao động phục vụ cộng đồng theo khoản 4 Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất kỳ khoản nào khác nên bị cáo không phải chịu trách nhiệm dân sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Đề nghị xác nhận Cơ quan điều tra đã trả cho anh Trương Đức G (do ông Trương Đức T7 diện theo ủy quyền nhận thay): 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , màu đen – bạc, số khung: RLHJA3927MY150296, số máy: JA39E2267996, gắn BKS 19K1 – 400.93, xe đã qua sử dụng; 01 (một) gương chiếu hậu hình chữ nhật, loại gương thời trang, 01 (một) chiếc chìa khóa điện và 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô của chiếc xe mô tô BKS 19K1 – 400.93.

Về án phí: Bị cáo Vũ Hoàng Đ (do bà Trương Thị T8 diện) phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bà Bùi Thu H4 *giúp viên pháp lý của* Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P *quan điểm bào chữa cho* bị cáo Đ: Nhất trí với nội dung bản Cáo trạng của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba truy tố bị cáo Vũ Hoàng Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Vũ Hoàng Đ 15 nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, và được bị hại viết đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Khi bị cáo phạm tội vẫn chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức về pháp luật của bị cáo còn hạn chế dẫn đến việc phạm tội. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ mức thấp nhất để bị cáo Đ có cơ hội hòa nhập với xã hội và trở thành công dân tốt.

Sau khi nghe Kiểm sát viên trình bày luận tội, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không oan. Bị cáo không tự bào chữa và cũng không tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 13h 00 ngày 06/06/2023, tại nhà ở của ông Trương Đức T9 khu B, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ bị cáo Vũ Hoàng Đ 16 ngày 09/10/2005 đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , màu đen – bạc, gắn BKS 19K1 - 400.93, của ông Trương Đức T10 giá tài sản trộm cắp là: 13.500.000đ (*Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Tài sản trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho bị hại. Hành vi của Vũ Hoàng Đ 17 xác định là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của

công dân được Nhà nước bảo vệ. Vì vậy cần phải được xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai mà bị cáo khai trong quá trình điều tra, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án cũng như đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hành vi của Vũ Hoàng Đ11 cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Với giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt thì việc truy tố, xét xử bị cáo Vũ Hoàng Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

[3]. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Mặc dù tội phạm mà bị cáo đã thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây nên sự bất an, lo lắng trong quần chúng nhân dân về an ninh trật tự xã hội. Bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có nhận thức hành vi chiếm đoạt tài sản là trái pháp luật, nhưng vì coi thường pháp luật, hám lợi bất chính nên đã cố ý phạm tội.

Xét về nhân thân, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và được bị hại viết đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, gia đình bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Khi phạm tội bị cáo mới có 17 tuổi 07 tháng 28 ngày, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trước khi phạm tội là công dân tốt. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, khoản 1 Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự

Xét thấy bị cáo Vũ Hoàng Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có khả năng tự cải tạo mà không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để cho bị cáo được lao động ngoài xã hội dưới sự quản lý, giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ còn bị khấu trừ một phần thu nhập hoặc phải lao động phục vụ cộng đồng. Tuy nhiên khi phạm tội bị cáo Vũ Hoàng Đ18 đủ 18 tuổi, chưa có việc làm nên theo khoản 2 Điều 100 của Bộ luật hình sự thì không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Nhưng tại thời điểm xét xử bị cáo đã đủ 18 tuổi và để nêu cao tính răn đe đối với bị cáo, nên buộc bị cáo phải lao động phục vụ cộng đồng theo khoản 4 Điều 36 của Bộ luật hình sự.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, thì tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt một khoản tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ để sung vào quỹ Nhà nước. Xét thấy bị cáo chưa đủ 18 tuổi, hiện sống phụ thuộc gia đình, không có tài sản riêng gì, chưa có việc làm nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về nghĩa vụ dân sự:

Anh Trương Đức G5 ông Trương Đ19 T2 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo Vũ Hoàng Đ20 bồi thường bất kỳ khoản tiền nào, do đó bị cáo không phải chịu trách nhiệm dân sự.

Đối với số tiền 2.500.000đ anh Trương Đức G nợ bị cáo Vũ Hoàng Đ21 việc bán xe, tại phiên tòa bị cáo cho rằng anh G2 trả đủ cho bị cáo số tiền 2.500.000đ. Tuy nhiên đây là giao dịch dân sự giữa bị cáo Đ và anh G, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6]. Về xử lý vật chứng của vụ án:

Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là anh Trương Đức G (do ông Trương Đức T7 diện theo ủy quyền nhận thay) 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α, màu đen – bạc, số khung: RLHJA3927MY150296, số máy: JA39E2267996, gắn BKS 19K1 - 400.93, xe đã qua sử dụng; 01 (một) gương chiếu hậu hình chữ nhật, loại gương thời trang, 01 (một) chiếc chìa khóa điện và 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô của chiếc xe mô tô BKS 19K1 - 400.93 (Anh G ông T2 không có đề nghị gì khác).

Đối với: 01 bản photo Giấy khai sinh mang tên Vũ Hoàng Đ16 ngày 09/10/2005 do UBND xã C, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 27/10/2005; 01 (một) bản photo Căn cước công dân số 025205002665 mang tên Vũ Hoàng Đ là các bản photo giấy tờ tùy thân của Vũ Hoàng Đ22 trong hồ sơ để làm căn cứ vụ án.

[7]. Về án phí: Bị cáo Vũ Hoàng Đ (do bà Trương Thị T8 diện) phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã trình bày luận tội đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo như Cáo trạng đã truy tố, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo, đề xuất về xử lý vật chứng và án phí hình sự. Người bào chữa cho bị cáo là bà Bùi Thu H4 giúp viên pháp lý của Trung tâm T11 đã có quan điểm đề

ng nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo ngoài xã hội. Xét đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa đối với bị cáo Vũ Hoàng Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 12, Điều 90, khoản 1 Điều 91 và Điều 100 của Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12//2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Về tội danh và hình phạt:

+ Tuyên bố: Bị cáo Vũ Hoàng Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Xử phạt bị cáo **Vũ Hoàng Đ 09 (Chín)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Vũ Hoàng Đ cho Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trường hợp người đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Bị cáo Vũ Hoàng Đ phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự về cải tạo không giam giữ.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[3]. Về nghĩa vụ dân sự: Bị cáo không phải chịu nghĩa vụ dân sự.

[4] Về xử lý vật chứng:

Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là anh Trương Đức G (do ông Trương Đức T7 diện theo ủy quyền nhận thay) 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , màu đen – bạc, số khung: RLHJA3927MY150296, số máy:

JA39E2267996, gắn BKS 19K1 - 400.93, xe đã qua sử dụng; 01 (một) gương chiếu hậu hình chữ nhật, loại gương thời trang, 01 (một) chiếc chìa khóa điện và 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô của chiếc xe mô tô BKS 19K1 - 400.93 (Anh G ông T2 không có đề nghị gì khác).

[5] Về án phí: Bị cáo Vũ Hoàng Đ (do bà Trương Thị T8 diện hợp pháp) phải nộp 200.000.đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và bị hại có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Thi hành án hình sự, dân sự;
- UBND xã Sơn Cương;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vi Thị Năm